

Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND và Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 13/5/2014 của UBND tỉnh.

a) Kết quả thực hiện

Chính sách ban hành nhằm hỗ trợ một phần chi phí cho người dân khi thực hiện di dời các cơ sở vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi; Tính đến ngày 31/12/2018 (*thời điểm quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi hết hiệu lực theo Luật Quy hoạch*) không có cơ sở chăn nuôi nào làm hồ sơ đăng ký hỗ trợ do phần lớn các cơ sở chăn nuôi phải di dời đã ngưng chăn nuôi hoặc tự di dời.

b) Những khó khăn, vướng mắc

- Các cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời đã ngưng chăn nuôi do tình hình chăn nuôi những năm qua gặp nhiều khó khăn hoặc một số cơ sở tự chủ động di dời, không đăng ký hỗ trợ chính sách.

- Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi khá lớn, tuy nhiên mức hỗ trợ di dời còn thấp so với tổng vốn đầu tư nên các cơ sở chăn nuôi chưa quan tâm đăng ký để được hưởng chính sách hỗ trợ.

- Chỉ hỗ trợ cho các cơ sở di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, tuy nhiên sau khi quy hoạch, giá đất tăng cao nên người dân gặp khó khăn trong việc mua đất để đầu tư dự án.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Về cơ sở pháp lý:

Thực hiện các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, định hướng của Đồng Nai đối với việc phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; đảm bảo thực thi Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể: điểm h khoản 1 Điều 80 quy định trách nhiệm của UBND tỉnh “Trình HĐND cấp tỉnh quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi”; khoản 1 Điều 12 quy định cấm chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư; tại khoản 2 Điều 83 Luật chăn nuôi có quy định “Cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thuộc khu vực quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này thì trong thời hạn là 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp”.

Ngày 21/01/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 13/2020/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi, tại điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định cũng quy định “Vùng nuôi chim yến do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”; ngày 01/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi, tại Điều 24, Điều 25 và Điều 26 quy định mức xử phạt đối với hành vi chăn nuôi tại khu vực không được phép chăn nuôi.

- Về cơ sở thực tiễn:

Trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành, triển khai thực hiện nhiều chủ trương, giải pháp về phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại quy mô lớn, chăn nuôi theo chuỗi liên kết, ứng dụng các khoa học công nghệ vào trong sản xuất nên trong thời gian qua, ngành chăn nuôi đã đạt được những kết quả rõ rệt cả về hiệu quả sản xuất, quy mô và chất lượng sản phẩm. Năm 2020, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt 22.564 tỷ đồng, chiếm 51,62% trong cơ cấu tổng giá trị của ngành nông, lâm, thủy sản; tốc độ tăng giá trị sản xuất chăn nuôi giai đoạn 2016 – 2020 đạt 4,63%/năm.

Ngành chăn nuôi Đồng Nai phát triển mạnh với hai loại vật nuôi chủ lực là heo và gà; hiện tổng đàn heo khoảng 2,4 triệu con, đàn gà khoảng 25,6 triệu con. Chăn nuôi trong thời gian qua chuyển dịch theo hướng trang trại tập trung quy mô lớn, trong giai đoạn 2016 – 2020 chăn nuôi heo trang trại từ 69% lên 90%, chăn nuôi gà trang trại từ 89% lên 91%; các giống heo, gà được lai tạo từ các giống có chất lượng cao, phẩm chất tốt (*trên 90% giống heo, gà là giống tiến bộ kỹ thuật*) đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, nghề nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thời gian qua phát triển rất nhanh, hiện nay trên địa bàn tỉnh có hơn 1.000 nhà nuôi yến, nghề nuôi chim yến mang lại hiệu quả kinh tế cao, giá 1 kg yến thô khoảng 22-25 triệu đồng.

Định hướng phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 2021 – 2025, tiếp tục xác định chăn nuôi vẫn là ngành chủ đạo và tiếp tục gia tăng tỷ trọng trong cơ cấu giá trị của Ngành, mục tiêu tăng trưởng ngành chăn nuôi trong giai đoạn 2021-2025 là 4-5%/năm. Trong thời gian qua việc quản lý đầu tư phát triển chăn nuôi trên cơ sở quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung đã được UBND tỉnh phê duyệt, tuy nhiên hiện nay quy hoạch đã được bãi bỏ theo quy định của Luật Quy hoạch, do đó để quản lý hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đòi hỏi phải có quy định cụ thể, đồng thời theo quy định của điểm h, khoản 1, Điều 80 Luật chăn nuôi yêu cầu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

Trên địa bàn tỉnh hiện còn khoảng 11.770 cơ sở chăn nuôi (*chiếm 15,57% tổng số cơ sở chăn nuôi của cả tỉnh*), chủ yếu là chăn nuôi nông hộ và 665 nhà yến (*chiếm trên 50%*) nằm trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư; chăn nuôi nông hộ, nhất là các hộ chăn nuôi trong khu vực nội thành phố, thị trấn, khu dân cư hiệu quả kinh tế không cao, làm mất mỹ quan đô thị, có nhiều mối nguy mất vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường chăn nuôi ngày càng có nguy cơ ô nhiễm, thường xảy ra dịch bệnh do công tác phòng, chống dịch bệnh ít được người chăn nuôi quan tâm, trong đó có các bệnh (*Cúm gia cầm H5N1, Cúm heo, Xoắn khuẩn, Lao, giun sán,...*) truyền lây từ động vật qua người và từ người sang động vật làm ảnh hưởng đến đời sống, sức khỏe của cộng đồng dân cư; các nhà nuôi chim yến chủ yếu theo hướng tự phát, tình trạng coi nói, xây dựng nhà yến trong khu dân cư phát triển tương đối nhiều, hoạt động nuôi chim yến hiện nay chủ yếu là dẫn dụ, mọi tập tính hoạt động mang tính tự nhiên nên khó kiểm soát được dịch bệnh (*đặc biệt là bệnh Cúm gia cầm có khả năng lây sang người*), gây ô nhiễm môi trường, tiếng ồn làm ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng, do đó việc quy định khu vực cấm chăn nuôi và thực hiện di dời các cơ sở chăn nuôi nhằm giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường tại khu vực nội thành, thị xã, thị trấn, các khu vực tập trung dân cư sinh sống.

Hiện nay chi phí xây dựng chuồng hờ đối với heo thịt khoảng 1.500.000 đồng/m², gà thịt khoảng 550.000 đồng/m² (không tính trang thiết bị, mua hoặc thuê đất); 1 m² nuôi được 11,6 con gà, mỗi con heo thịt cần 1,2 m². Như vậy, chi phí xây dựng chuồng trại đối với các quy mô chăn nuôi như sau:

+ Chi phí xây dựng chuồng trại chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ (*từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi*): hết khoảng 90.000.000 đồng đến 270.000.000 đồng đối với trại heo (*tương đương từ 50 đến dưới 150 con heo thịt*); hết khoảng 95.000.000 đồng đến 285.000.000 đồng đối với trại gà (*tương đương 2.000 đến dưới 6.000 con gà thịt*).

+ Chi phí xây dựng chuồng trại chăn nuôi trang trại quy mô vừa (*từ 30 đến dưới 300 đơn vị vật nuôi*): hết khoảng 270.000.000 đồng đến 2.700.000.000 đồng đối với trại heo (*tương đương từ 150 đến dưới 1.500 con heo thịt*); hết

khoảng 258 triệu đồng đến 2.850 triệu đồng đối với trại gà (*tương đương từ 6.000 đến dưới 60.000 con gà thịt*).

+ Chi phí xây dựng chuồng trại chăn nuôi trang trại quy mô lớn (*từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên*): tối thiểu hết khoảng 2.700.000.000 đồng đối với trại heo (*tương đương từ 1.500 con heo thịt trở lên*); tối thiểu hết khoảng 2.850.000.000 đồng đối với trại gà (*tương đương từ 60.000 con gà thịt trở lên*).

Khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, hệ thống chuồng trại cũ hầu như không sử dụng lại được mà phải đầu tư xây dựng mới, tốn kém nhiều chi phí, do đó Nhà nước cần có cơ chế chính sách hỗ trợ cho các cơ sở để giải quyết một phần khó khăn trong quá trình thực hiện di dời.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết là cần thiết.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết

1. Mục đích

- Xây dựng Nghị quyết để thực hiện các nội dung được giao tại Điểm h Khoản 1 Điều 80 của Luật Chăn nuôi năm 2018.

- Quy định các khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và chính sách hỗ trợ cơ sở chăn nuôi di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi nhằm ổn định và phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững.

- Khắc phục, cải thiện và giải quyết tình trạng gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư và khu vực nội thành, thị xã, thị trấn.

- Thực hiện việc di dời các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phù hợp với tình hình thực tế địa phương để tổ chức triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách về phát triển chăn nuôi.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Phù hợp với quy định của Luật Chăn nuôi và các quy định khác có liên quan; phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo đúng quy định pháp luật về thẩm quyền và trình tự thủ tục.

- Phù hợp với quy định pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Đảm bảo sự công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng Nghị quyết.

III. Quá trình xây dựng Nghị quyết

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, UBND tỉnh triển khai xây dựng Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục như sau:

1. UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 6403/TTr-UBND Ngày 05/6/2020 và đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2024 tại Tờ trình số 12705/TTr-UBND ngày 22/10/2020.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết tại Văn bản số 392/HĐND-VP ngày 10/7/2020 và Văn bản số 610/HĐND-VP ngày 27/10/2020.

3. Cơ quan chủ trì soạn thảo (Sở Nông nghiệp và PTNT được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo Nghị quyết) đã gửi lấy ý kiến của các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan, thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh 30 ngày để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân; đồng thời tham mưu UBND tỉnh xin ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính đối với dự thảo Nghị quyết. Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến.

4. Cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số/SNN- CNTY ngày/...../2020.

5. Sở Tư pháp có Văn bản sốBC-STP ngày..../...../2020 về việc báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

6. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định tại Báo cáo số/ BC-SNN ngày/...../2020.

7. Cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

8. Ngày/.../2020 UBND tỉnh tổ chức cuộc họp để thông qua dự thảo Nghị quyết.

IV. Bộ cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết

Bộ cục dự thảo Nghị quyết gồm 7 điều:

1. Bộ cục

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2. Quy định khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi
- Điều 3. Quy định vùng nuôi chim yến
- Điều 4. Quy định chính hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi
- Điều 5. Kinh phí thực hiện
- Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp
- Điều 7. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản

a) Tên gọi của Nghị quyết theo quy định của Luật Chăn nuôi: “Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”.

b) Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời đối với các cơ sở chăn nuôi đang hoạt động sản xuất trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trừ các loại vật nuôi làm cảnh, nuôi làm thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

Điều 2. Quy định khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi.

a) Toàn bộ các phường thuộc thành phố, thị xã (trừ các phường Bàu Sen, Xuân Lập, Suối Tre, Xuân Tân, Bảo Vinh thuộc thành phố Long Khánh).

b) Toàn bộ các thị trấn thuộc các huyện (trừ khu phố 4, khu phố 6 và khu 7 thuộc thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu).

c) Các khu dân cư hiện hữu, khu dân cư theo quy hoạch, khu vực phát triển dân cư, đô thị đã được xác định, định hướng trong các hồ sơ quy hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Quy định vùng nuôi chim yến

Điều 4. Quy định chính hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Các cơ sở chăn nuôi nằm tại các khu vực được quy định tại Điều 2 Nghị quyết này khi thực hiện di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực đến 31/12/2024 sẽ được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi.

- Đối với chăn nuôi nông hộ và trang trại quy mô nhỏ được hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi với mức là 4 triệu đồng/cơ sở.

- Đối với trang trại quy mô vừa và trang trại quy mô lớn được hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi với mức là 6 triệu đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ lãi suất vay đầu tư đối với dự án chăn nuôi mới.

Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay theo hợp đồng vay vốn trong hai năm đầu, 50% lãi suất vốn vay trong năm thứ ba. Mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng đối với trang trại quy mô lớn, 150 triệu đồng đối với trang trại quy mô vừa, 60 triệu đồng đối với trang trại quy mô nhỏ. Mức lãi suất được hỗ trợ theo hợp đồng tín dụng nhưng tối đa không vượt quá lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại từng thời kỳ. Thời gian hỗ trợ lãi suất là thời gian vay thực tế ghi trên hợp đồng tín dụng.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Mỗi cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết này chỉ được ngân sách tỉnh hỗ trợ một lần. Chính sách quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi đã được hưởng các chính sách tương tự từ ngân sách Nhà nước. Trong trường hợp cùng nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

b) Địa điểm chăn nuôi di dời đến phải đầy đủ các thủ tục pháp lý và đảm bảo các điều kiện chăn nuôi theo quy định.

c) Nguồn vốn hỗ trợ do ngân sách tỉnh cân đối và vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (nếu có).

3. Điều kiện được hỗ trợ

- Các cơ sở chăn nuôi thuộc danh mục phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

- Có dự án đầu tư chăn nuôi tại địa điểm mới phải đảm bảo quy mô chăn nuôi trang trại quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đáp ứng các khoảng cách an toàn theo quy định hiện hành (Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi).

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị quyết;

(2) Báo cáo số/BC-SNN ngày .../...../2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp các ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

(3) Báo cáo số/BC-SNN ngày .../...../2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu chỉnh sửa, giải trình các ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

(4) Báo cáo thẩm định số...../BC-STP ngày/...../2021 của Sở Tư pháp;

(5) Báo cáo số/BC-SNN ngày/...../..... của Sở Nông nghiệp và PTNT giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;

(6) Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

(7) Văn bản số Văn bản số/VP-CTTĐT ngày/...../2021 của Văn phòng UBND tỉnh về việc tổng hợp lấy ý kiến nhân dân đối với nội dung dự thảo Nghị quyết lên Công Thông tin điện tử tỉnh).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- Chánh, Phó chánh VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**